TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2019/QĐST - HNGĐ	*Tuần Giáo, ngày 23 tháng 01 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 15/2018/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: **Chị Đỗ Thị N;** sinh năm: 1981.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 9, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Chỗ ở hiện nay: Bản M, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: **Anh Trần Văn Đ**; sinh năm: 1974;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 9, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Chỗ ở hiện nay: Bản M, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị N và anh Trần Văn Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1:Về con chung: Giao cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 02/06/2002 cho anh Trần Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, giao cháu Trần Thị Lan A, sinh ngày 12.01.2005 và cháu Trần Điện B; sinh ngày 06.12.2013 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Vì mỗi người đều phải nuôi con chung nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Sau khi ly hôn anh Đ, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.2: Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị N và anh Trần Văn Đ thống nhất không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3: Về nợ chung: Chị Đỗ Thị N và anh Trần Văn Đ không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.4: Về án phí: Chị Đỗ Thị N tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: AA/2010/05522 chị Đỗ Thị N được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo
- Tòa án tỉnh Điện Biên.
- UBND xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên.
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thương